

# LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

## QUYỂN 12

### Địa 6: ĐỊA TAM MA HÝ ĐA 2

Lại nữa, thế nào là tu tập tác ý về các tướng của đối tượng duyên? Tức nơi các tướng ấy tác ý tư duy. Do tư duy nên có thể tạo bốn sự. Nghĩa là tu tập tác ý như thế. Lại có thể xa lìa phiền não của đối tượng cần đối trị, có thể luyện tập tác ý ấy và các tác ý khác, khiến tác ý sanh sau càng thêm sáng suốt, đầy đủ. Lại lúc tu tập tác ý này khiến hành giả chán hủy đối tượng duyên, trừ bỏ các phiền não, nhận giữ việc đoạn dứt, khiến chúng lìa hẳn sự nối tiếp do đó tu tập tác ý về các tướng của đối tượng duyên như vậy.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên nhập nơi Tĩnh lực thứ nhất cho đến cõi Hữu đẳng: đó là lực của nhân, lực của phương tiện, lực của sự thuyết giảng và lực của sự dạy trao.

- Thế nào là lực của nhân? Nghĩa là từng gần gũi để nhập tĩnh lực v.v...

- Thế nào là lực của phương tiện? Nghĩa là tuy không gần gũi nhập tĩnh lực v.v..., nhưng do thường tu tập lực không gián đoạn nên có thể nhập các định.

- Thế nào là lực của sự thuyết giảng? Nghĩa là đối với pháp của duyên tăng thượng nơi tĩnh lực, hiểu biết khắp, nhận giữ cho đến nói rộng. Tức dựa nơi pháp ấy, ở riêng chốn vắng lặng lìa mọi sự phóng dật, dũng mãnh tinh tấn, tự thúc đẩy gắng sức, trụ pháp tùy pháp hành, do đấy có thể nhập các định như tĩnh lực v.v...

- Thế nào là lực của sự dạy trao? Tức ở chỗ của Thân giáo sư (Hòa thượng), Quĩ phạm sư (A-xà-lê) hoặc theo nơi trụ xứ của một bậc tôn trưởng khác, đạt được sự chỉ dạy trao truyền đúng đắn, tùy thuận nơi Tĩnh lực thứ nhất, từ đấy xét kỹ để tác ý tư duy, nên có thể nhập tĩnh lực

cùng các định khác. Như vậy là hiển bày về bốn bậc quán hành: Bậc gồm đủ lực nhân, bậc gồm đủ lực phương tiện, bậc lợi căn và bậc độn căn.

Lại nữa, có bốn bậc đạt được tĩnh lực:

1. Bậc Tĩnh lực ái thượng.
2. Bậc Tĩnh lực kiến thượng.
3. Bậc Tĩnh lực mạn thượng.
4. Bậc Tĩnh lực nghi thượng.

- Thế nào là bậc Tĩnh lực ái thượng? Nghĩa là như có một hành giả, trước chỉ nghe công đức của các định, tĩnh lực, nhưng không nghe phương tiện xuất ly của chúng, đối với định, tĩnh lực chỉ hoàn toàn thấy các công đức thù thắng, dũng mãnh, tinh tấn, do nhân duyên ấy, nên nhập Tĩnh lực thứ nhất, hoặc các định khác. Nhập như vậy rồi, sau sanh yêu thích.

- Thế nào là bậc Tĩnh lực kiến thượng? Tức như có một hành giả, ở chỗ thầy mình hoặc các thầy khác, nghe nói các thế gian đều là thường v.v... Do phương tiện như vậy nên nhập Tĩnh lực thứ nhất, cho đến cõi Hữu đẳng, có thể đạt được giải thoát thanh tịnh, xuất ly. Hành giả dựa vào kiến giải ấy, dũng mãnh tinh tấn, do nhân duyên này, nhập nơi Tĩnh lực thứ 1 hoặc các định khác. Nhập như thế rồi, có thể tự nhớ nghĩ về nhiều kiếp quá khứ, bèn sanh kiến chấp này: Ngã và thế gian đều là thường v.v... Ra khỏi định, tức ở nơi kiến chấp ấy chấp chặt không bỏ. Về sau, tư duy kỹ, quán xét kỹ, do đấy nên đạt được giải thoát thanh tịnh, xuất ly.

- Thế nào là bậc Tĩnh lực mạn thượng? Nghĩa là, như có một hành giả, nghe danh nơi các bậc Trưởng lão như vậy v.v... đã nhập Tĩnh lực thứ nhất cho đến cõi Hữu đẳng. Nghe sự việc ấy rồi, bèn sanh kiêu mạn: Các vị ấy đã có thể nhập các định như tĩnh lực v.v..., ta sao lại không thể nhập được? Dựa nơi kiêu mạn ấy, dũng mãnh tinh tấn, do nhân duyên này nên nhập Tĩnh lực thứ nhất cùng các định khác. Nhập như thế rồi, sau sanh kiêu mạn, suy nghĩ: Chỉ ta mới có thể đạt được Tĩnh lực như vậy, người khác thì không thể đạt được. Người đó, dựa vào sự kiêu mạn ấy, về sau ở nơi các tĩnh lực, tư duy kỹ, quán xét kỹ, vẫn theo kiêu mạn ấy.

- Thế nào là bậc Tĩnh lực nghi thượng? Nghĩa là, như có một hành giả, vì tánh ám độn, vốn thường ưa thực hành Xa ma tha, do nhân duyên ấy, nhập các tĩnh lực hoặc những định khác. Nhập như thế rồi, lại ở nơi các định trên, dốc tu phương tiện là đạt được, chưa đạt được. Đối với bốn Thánh đế siêng tu hiện quán, vì tánh ám độn nên không thể mau

chóng chứng đắc hiện quán về Thánh đế. Do nhân duyên này, tức nơi các chỗ chứng đắc khác liền sanh nghi hoặc. Dựa vào chỗ nghi hoặc ấy, nên đối với nẻo thẳng tiến, tiếp tục tư duy, quán xét kỹ.

Lại nữa, thế nào là các định như tĩnh lự v.v... tương ứng với ái vị? Nghĩa là có hành giả độn căn, hoặc hành tham, hoặc nhiều phiền não, chỉ được nghe các công đức hiện có của Tĩnh lự thứ nhất, nói rộng như phần Tĩnh lự ái thượng ở trước, đối với sự xuất ly nêu trên do không nhận biết rõ nên sanh ái vị, luyến tiếc trụ chấp chặt: Về đối tượng được ái vị nói là đã ra khỏi. Về chủ thể ái vị, nói là đang nhập.

- Thế nào là định như tĩnh lự v.v... thanh tịnh? Nghĩa là có hành giả tánh trung căn hoặc lợi căn, hành phiền não hoặc hành “Bạc trần”, từ nơi nhiều người khác được nghe về lỗi lầm của sự ái vị nơi Tĩnh lự thứ nhất v.v... cùng nẻo xuất ly nêu trên, nên dũng mãnh tinh tấn, nhập Tĩnh lự thứ nhất v.v... hoặc các định khác. Nhập như vậy rồi, liền có thể tư duy về lỗi lầm của các định, đối với nẻo xuất ly trên, cũng có thể nhận biết rõ, nên không sanh ái vị.

- Thế nào là định như tĩnh lự v.v... vô lậu? Tức như có hành giả là tùy tín hành, hoặc tùy pháp hành, hoặc hành “Bạc trần”, người ấy hoặc lúc trước, đối với bốn Thánh đế đã nhập hiện quán, hoặc lại đang tu phương tiện hiện quán. Người đó, trước do tướng của các hành trạng, nhập Tĩnh lự thứ nhất hoặc các định khác. Nay, ở nơi tướng của hành trạng này không suy xét nữa. Nhưng đối với các sắc cho đến pháp thức, tư duy như bệnh, như ung nhọt v.v... đối với pháp hữu vi tâm sanh chán ghét, sợ hãi, chế ngự, ở nơi cảnh giới cam lồ, buộc niệm tư duy, như thế mới có thể nhập định vô lậu.

Lại nữa, thế nào là định thuận thối phần? Nghĩa là có hành giả thuộc loại độn căn, thấp kém, có mong muốn hiểu biết, nên siêng năng tinh tấn, nhập Tĩnh lự thứ nhất hoặc các định khác, nhưng đối với hỷ, lạc, đối với công đức thù thắng, không thể gắng nhận, nên từ tĩnh lự thối chuyển, như thế dần dần nhập nơi các định sai biệt, cứ như thế như thế trở lại thối chuyển, cho đến chưa khéo điều phục, rèn luyện các căn.

- Thế nào là định thuận trụ phần? Tức có hành giả tánh trung căn hoặc lợi căn, chỉ được nghe về công đức của các định, nói rộng như phần tương ứng với ái vị ở trước. Đối với định đã đạt được chỉ sanh ái vị, không thể tiến lên bậc trên, cũng không thối chuyển xuống bậc dưới.

- Thế nào là định thuận thẳng phần? Nghĩa là có hành giả cũng nghe nói về phương tiện xuất ly, đối với định đã đạt được không sanh tâm cho là đủ, vì thế đối với định không sanh ái vị, lại cầu đạt quả vị thù

thắng. Do nhân duyên này, nên liền được thắng tiến.

- Thế nào là định thuận phần quyết trạch? Nghĩa là đối với tất cả thân tướng, thấy sâu về lỗi lầm, do nhân duyên này, nên có thể hội nhập nơi vô lậu. Lại, các vô lậu gọi là chỗ rốt ráo tột cùng của phần quyết trạch. Cũng như các vật sinh, ngọc ở thế gian, đã khéo lựa chọn, gọi là quyết trạch. Từ đây trở về sau, không thể chọn lựa nữa. Đây cũng như thế. Vượt quá giới hạn này thì không thể lựa chọn nữa, nên gọi là phần quyết trạch.

Lại nữa, thế nào là nhập các đẳng chí không gián đoạn? Nghĩa là như có một hành giả, đạt được Tĩnh lực thứ nhất cho đến cõi Hữu đẳng, nhưng chưa thanh tịnh trắng sạch viên mãn. Trước thuận theo thứ lớp nhập cho đến cõi Hữu đẳng. Sau, nghịch với thứ lớp nhập trở lại Tĩnh lực thứ nhất.

Lại nữa, thế nào là nhập các đẳng chí siêu việt? Tức là ở đây đã đạt được thanh tịnh viên mãn, nên từ Tĩnh lực thứ nhất, không gián đoạn, vượt nhập Tĩnh lực thứ ba. Từ Tĩnh lực thứ ba, vượt nhập Không vô biên xứ không gián đoạn. Từ Không vô biên xứ vượt nhập Vô sở hữu xứ, cho đến nói rộng. Về phần vượt nhập theo chiều nghịch cũng vậy. Do hết sức xa, nên đẳng chí thứ ba không thể vượt qua, chỉ trừ Đức Như Lai cùng các vị Đại Bồ tát đã ra khỏi A-tăng-xí-đa thứ hai. Chư vị ấy, tùy chỗ mong muốn của mình mà nhập các định.

Lại nữa, thế nào là Tĩnh lực huân tu? Tức như có một hành giả đã chứng đắc bốn thứ tĩnh lực hữu lậu và vô lậu, đối với các đẳng chí đạt được tự tại, thọ nhận quả tự tại của đẳng chí, nên trong thời gian dài nhập các tĩnh lực nối tiếp, hữu lậu vô lậu cùng đan xen, cho đến hữu lậu không gián đoạn nơi vô lậu hiện tiền, vô lậu không gián đoạn trở lại nhập nơi hữu lậu. Nên biết ở đây cùng huân tu thành tựu. Nếu ở nơi xứ này, thời gian này, sự việc này có thể nhập các định. Đó gọi là, đối với các đẳng chí, đạt được tự tại.

Quả tự tại của đẳng chí: Nghĩa là ở nơi hiện pháp lạc trụ, chuyển biến thêm phần sáng sạch, lại do đầy nên đạt được đạo không thối chuyển. Lại tu tập thanh tịnh đạo có thể dẫn khởi các phẩm công đức thù thắng của thắng xứ và biến xứ giải thoát. Nếu thủ vẫn còn mà mạng chung, do nhân duyên này, nên vào cõi Tịnh cư. Vì sự tu tập các tĩnh lực theo phẩm hạ trung thượng có sai biệt, nên đối với tất cả xứ, thọ nhận quả của ba địa, như nơi địa hữu tâm hữu tứ ở trước đã phân biệt rộng. Tu tập Tam ma địa không tâm chỉ có tứ, nên được làm Đại Phạm. Do diệu lực huân tu của các phẩm hạ trung thượng, thượng thắng, thượng

cực, nên sanh nơi cõi Ngũ Tịnh cư. Phải biết, nhân tu định tĩnh lực thanh tịnh, nên sanh nơi địa tĩnh lực, không phải do sự quen gần tương ứng với ái vị. Đã sanh vào cõi ấy rồi, nếu khởi ái vị tức sẽ thối thất. Nếu tu thanh tịnh, thì trở lại sanh nơi cõi kia, hoặc sanh nơi định dưới, hoặc tiến, sanh nơi định trên. Trước ở nơi khoảng này đã tu đạt được định rồi, sau sanh đến cõi kia. Vì sao? Vì chẳng phải chưa lìa dục mà được sanh nơi cõi ấy. Chẳng phải là các dị sanh (phàm phu) chưa tu tập đạt được định mà có thể lìa dục. Lại, chẳng phải nơi khoảng ấy cùng đại xứ kia, nhập các đẳng chí, ưa thích có sai biệt, chính là do chỗ dựa nơi thân mà có sai biệt.

Lại nữa, đã nói sự tu tập tương tác ý sai biệt. Thế nào là thâm tóm chỗ tông yếu của các kinh? Nghĩa là tám giải thoát như kinh đã nói rộng?

Tám giải thoát: Tức như trước đã nêu, bảy giải thoát trước như có sắc quán các sắc v.v... ở nơi đã giải thoát sanh thắng giải, nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ tám từ bỏ tưởng, thọ nên gọi là giải thoát.

Thế nào là có sắc quán các sắc? Nghĩa là sanh nơi Dục giới, đã lìa dục của Dục giới, chưa lìa dục của Sắc giới, hành giả ở trong chỗ giải thoát như thế, đã được giải thoát. Tức đối với các sắc của Dục giới, do có tướng sáng rõ, nên tác ý tư duy, sanh thắng giải. Vì hai nhân duyên nên gọi là có sắc. Tức sanh nơi Dục giới và đạt được định nơi Sắc giới. Lại, ở nơi có ánh sáng mà tạo thắng giải.

Hỏi: Quán các sắc, là quán những sắc gì? Lại do hành gì để quán?

- Đáp: Các sắc của Dục giới. Ở chỗ tạo ít sắc của các thắng xứ, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn, nhiều loại như vậy, cho đến nói rộng.

Do đâu tu tập hành quán như thế? Là do tu trị thanh tịnh các phương tiện có thể dẫn khởi các công đức tối thắng.

Những gì gọi là công đức tối thắng? Đó là thắng xứ, biến xứ, các thần thông của bậc Thánh, nguyện trí vô tránh, vô ngại giải v.v... Tuy trước, đối với các sắc của Dục giới đã được lìa dục, nhưng ở nơi các sắc ấy chưa có thể chứng đắc giải thoát tự tại. Vì đã chứng đắc, nên thường xuyên đối với các sắc ấy tư duy, thắng giải.

- Thế nào là bên trong tưởng không sắc, quán các sắc bên ngoài? Tức là sanh nơi Dục giới, đã lìa dục nơi cõi Sắc, nhưng định Vô sắc giới không hiện tiền. Lại, không tư duy về tướng sáng rõ của tướng kia, chỉ ở nơi sắc bên ngoài mà tạo thắng giải. Hoặc đối với sắc ấy đã được lìa

dục, gọi sắc ấy là ngoài. Do hai nhân duyên nên gọi là bên trong không có tướng về sắc. Nghĩa là, đã chứng đắc đẳng chí vô sắc, cũng tự nhận biết rõ là đã đạt được định ấy, nên không tư duy về tướng ánh sáng bên trong. Phần còn lại như trước đã nói.

Thế nào là thân tác chứng trụ đầy đủ của giải thoát thanh tịnh? Nghĩa là, như có một hành giả đã được niệm xả thanh tịnh viên mãn, dùng đấy làm chỗ dựa, tu tập hạnh Thánh thanh tịnh viên mãn, gọi là giải thoát thanh tịnh. Vì sao? Vì ba nhân duyên, nghĩa là đã vượt quá các thứ khổ vui, hết thấy mọi động loạn đã được tịch tĩnh, đã khéo mài luyện tâm trong sáng.

Thân tác chứng: Nghĩa là ở trong trụ ấy là chỗ trụ phần đông của tất cả Hiền Thánh.

Thế nào là giải thoát của Không vô biên xứ? Tức như có một hành giả, đối với Không xứ kia đã được lìa dục, ở nơi hư không tư duy, thắng giải như vậy.

Giải thoát của Thức vô biên xứ: Là đối với thức ấy đã được lìa dục, tức ở nơi thức ấy tư duy, thắng giải.

Giải thoát của Vô sở hữu xứ: Nghĩa là đã được xứ vô sở hữu, ở nơi thức xứ vô biên, tư duy, thắng giải.

Giải thoát của Hữu đẳng: Lại không ở nơi khác mà tạo thắng giải, cho đến hiển bày khắp nơi tướng xứ có thể sanh, tức ở nơi xứ ấy nên tạo thắng giải.

Lại nữa, trước đã tu trị tác ý thắng giải, sau mới có thể khởi sự thấy biết thù thắng, nên gọi là thắng xứ. Chỗ thù thắng này nên biết lại có năm thứ:

1. Hình tướng mất đi sự thấp kém, nên gọi là thắng. Tức như có một người, do các việc công xảo v.v... của chính mình đã đạt được thù thắng, nên hình tướng mất đi phần vị thấp kém do kẻ khác đặt để.

2. Do điều phục sự yếu kém nên gọi là thắng. Nghĩa là như có một người, do sức mạnh của chính mình đã diệt trừ các thứ yếu kém.

3. Có thể che ngăn ẩn giấu kẻ khác nên gọi là thắng. Nghĩa là các loại bình, chậu v.v... có thể tạo sự che ngăn. Hoặc các thứ cỏ thuốc, chú thuật, thần thông, có chỗ che ngăn ẩn giấu.

4. Ngăn hoại đối tượng duyên, nên gọi là thắng. Nghĩa là ngăn hoại cảnh giới, lìa bỏ các phiền não.

5. Xoay chuyển tự tại, nên gọi là thắng. Nghĩa là như vua của thế gian, tùy theo ý muốn mà phân xử quân thần, tôi tớ. Ở trong nghĩa này, ý hiển bày về sự thù thắng của ẩn giấu và tự tại. Trước là thắng giải tự

tại trong giải thoát, nay là điều phục tự tại của thắng xứ.

Quán sắc ít: Nghĩa là sắc nơi các vật dụng nuôi sống của các hữu tình.

Quán sắc nhiều: Là sắc nơi các cung điện, nhà cửa phòng ốc v.v...

Nói sắc tốt: Tức các thứ hiển sắc đẹp đẽ, hoàn toàn tịnh diệu. Trái ngược so với đây gọi là sắc xấu.

Nói sắc kém: Tức sắc không hợp ý với thanh hương vị xúc. Trái ngược với đây, nên biết là sắc hơn hẳn. Bốn thứ hiển sắc này thuộc về phần sắc của các vật dụng nuôi sống hữu tình, các thứ cung điện, nhà cửa v.v...

Nói nhận biết hơn hẳn: Tức là thường thường che ngăn ẩn giấu phần thắng giải của đối tượng duyên.

Có tướng như thế: Là có sự điều phục tướng.

Lại nữa, do các biến xứ đối với sự việc của thắng giải sanh khởi thắng giải khắp nên gọi là biến xứ.

Nói không hai: Tức các bậc Hiền Thánh không có hai thứ sai biệt của ngã, ngã sở.

Nói vô lượng: Nghĩa là hiện bày khắp tất cả.

Do đâu biến xứ chỉ dựa theo hai xứ sắc, xúc để kiến lập? Do hai thứ này cùng với thân tự tha hiện bày có khắp sắc giới, luôn nối tiếp. Sắc của các căn như nhãn v.v... chỉ thuộc về tự thân. Hai trần hương, vị không hiện bày khắp tất cả. Âm thanh có gián đoạn, vì thế không nói. Như vậy, các biến xứ có sắc định rõ hậu biên của Sắc giới. Ở trong vô sắc, không hiện hữu khắp hết thủy, nên lập biến xứ. Cảnh nơi đối tượng hành của thức hiện bày khắp tất cả, nên cũng lập biến xứ.

Lại nữa, tu hành quán: Trước ở nơi đối tượng duyên tư duy, thắng giải. Tiếp theo là có thể chế ngự, điều phục. Đã điều phục nên được tự tại. Sau đấy, tức ở chỗ hiện hữu khắp tất cả xứ này, theo như điều mong muốn mà tạo thắng giải. Do đó, ba thứ lớp như thế, khéo làm thanh tịnh tám biến xứ của sắc, nên có thể dẫn khởi về thắng giải thần thông của bậc Hiền Thánh cùng các sự thần thông chuyển biến, như chỗ thắng giải, theo sự chuyển biến đều có thể thành tựu. Lại có thể biến tạo ra các vật như vàng bạc v.v... để sử dụng. Do thức biến xứ hoàn toàn thanh tịnh, nên có thể dẫn phát các công đức thù thắng của nguyện trí không tranh, vô ngại giải v.v... Do Không biến xứ khéo thanh tịnh, nên tùy theo chỗ mong muốn đều chuyển thành không. Ví như những người thợ vàng, sắt, gốm ở thế gian, lúc đầu nhào trộn với bùn đất v.v... tức chữ



khéo điều luyện, bậc giải thoát cũng như thế. Như khéo điều luyện, bậc Thắng xứ cũng vậy. Như đã điều luyện, theo ý muốn mà chuyển biến, bậc Biến xứ cũng như thế.

Lại nữa, ba Tam-ma-địa: Thế nào là Tam-ma-địa không? Nghĩa là, xa lìa mọi thứ hữu tình, thọ mạng, sự nuôi dưỡng, sở thú thú (hữu tình luân hồi qua các nẻo) v.v..., tâm trụ nơi một duyên. Nên biết tánh không lược có bốn thứ:

*Thứ 1:* Không của quan sát. Nghĩa là quan sát các pháp không, không thường lạc, cho đến không, không ngã, ngã sở.

*Thứ 2:* Không của quả kia: Nghĩa là tâm bất động, giải thoát, không có tất cả phiền não như không tham v.v...

*Thứ 3:* Nội không: Nghĩa là nơi tự thân không. Không có mọi thứ kè chấp hẹp hòi về ngã, ngã sở và ngã mạn v.v...

*Thứ 4:* Ngoại không: Tức đối với năm dục là không, không có ái dục. Như nói: “Ta đã vượt quá tất cả tướng hữu sắc. Ở nơi ngoại không, thân tác chứng, an trụ đầy đủ”, cho đến nói rộng.

Ở đây, duyên nơi tướng về điều dục, gọi là sắc tướng. Tướng này dấy khởi việc đoạn trừ tham dục, nên nói là ngoại không.

Lại, về tu hành: Do không của quả kia, nên hoặc lúc tác ý tư duy về ngoại không, hoặc khi tác ý tư duy về nội không. Do không của quan sát, nên hoặc khi tác ý tư duy về nội không. Do không của quan sát, nên hoặc khi tư duy về tánh của nội, ngoại không, nhờ điều lược này nên tâm cùng chứng hợp. Giả như ở nơi tánh của nội, ngoại không ấy không chứng hợp, thì nên tác ý tư duy vô động.

Nói vô động: Nghĩa là tướng vô thường, hoặc lại tướng khổ. Tư duy như vậy nên không bị ngã mạn v.v... quấy động. Do hành giả không bị các thứ chấp ngã, ngã mạn, cho đến nói rộng, quấy động nơi tâm, nên đối với hai không, tâm đều chứng hợp.

Thế nào là Tam-ma-địa tâm vô nguyện? Nghĩa là đối với năm thủ uẩn tư duy về vô thường, hoặc tư duy về khổ, tâm trụ nơi một duyên.

Thế nào là Tam-ma-địa tâm vô tướng? Nghĩa là, đối với các thủ uẩn đã diệt, tư duy về tịch tĩnh, tâm trụ nơi một duyên. Như kinh nói: Tam-ma-địa tâm vô tướng không hạ thấp, không ngẩng cao, cho đến nói rộng.

Thế nào gọi là không hạ thấp không ngẩng cao? Là vì hai tướng thuận nghịch không tương ưng.

Lại, do hai nhân duyên nên nhập định vô tướng: Một là không tư duy về tất cả tướng. Hai là chánh tư duy về cảnh giới vô tướng. Do



không tư duy về tất cả tướng, nên đối với các tướng ấy không chán không hoại. Chỉ không gia hạnh tác ý tư duy, nên gọi là không hạ thấp. Ở nơi cảnh giới vô tướng, chánh tư duy, nên đối với phần vô tướng ấy không chấp trước, do đó gọi là không ngẩng cao. Tam ma địa này lược có hai thứ:

1. Phương tiện.
2. Quả của phương tiện.

Nói phương tiện: Tức thường xuyên thúc đẩy, cố gắng, xét chọn, an lập. Đối với các tướng chưa có thể giải thoát. Do tùy theo tướng thức ở trong mọi lúc nhiều loạn tâm, nên hành giả lại phải thường xuyên tự thúc đẩy, tự cố gắng, xét chọn, an lập, mới có thể giữ lấy quả. Giải thoát theo tướng, đối với giải thoát này lại giải thoát, nên không tự thúc giục cố gắng, xét chọn mà trụ, vì thế gọi là cực thiện giải thoát. Nếu thường thúc đẩy cố gắng, xét chọn, an lập, mới có thể trụ, tuy gọi là giải thoát nhưng không phải là khéo giải thoát.

Lại, hiểu rõ về quả, hiểu rõ về công đức: Nghĩa là phiền não được đoạn trừ hoàn toàn, đạt được hiện pháp lạc trụ rốt ráo. Lại nữa, diệt đạo cùng ứng hợp hiểu rõ. Tức hai loại ấy, theo như thứ lớp, gọi là hiểu rõ về quả, hiểu rõ về công đức.

Lại, quả A-la-hán của hiện quán về đế cùng ứng hợp hiểu rõ. Ở trong vị kiến đạo, gọi là hiểu rõ về quả. Ở nơi quả A-la-hán, gọi là hiểu rõ về công đức. Nếu ở xứ này không có vật kia, do đạo lý ấy nên quán là không, do vậy gọi là tánh không, tức đối tượng quán là không, không thể mong nguyện, nên gọi là vô nguyện. Quán như thế là xa lìa hết thấy hành tướng, nên gọi là vô tướng. Do đâu ở đây trước nói về tánh không? Các nơi khác nêu giảng về vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, sau mới nói về không. Nghĩa là, nếu không có vô ngã, thì quán về vô thường, khổ, chung cuộc không thanh tịnh, nên trước cần phải an trụ nơi tướng vô ngã. Từ nơi sự không gián đoạn ấy mới được vô nguyện. Vì thế, kinh nói: “Các tướng vô thường, dựa nơi tướng vô ngã mà được an trụ, cho đến nói rộng”. Hành giả, đối nơi vô thường quán vô ngã rồi không sanh khởi mong, nguyện, chỉ nguyện vô tướng, chuyên cầu xuất ly nên ở chỗ không gián đoạn ấy, nêu giảng về vô tướng.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa có tầm có tứ? Nghĩa là Tam-ma-địa tầm tứ tướng ứng.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm chỉ có tứ? Tức là Tam-ma-địa chỉ có tứ tướng ứng. Đã tu đại phạm rồi, làm Đại Phạm vương.

Thế nào là Tam-ma-địa không tầm không tứ? Nghĩa là Tam-ma-

địa, hai thứ tâm tứ đều không tương ứng. Tu tập Tam-ma-địa này, sanh tiếp nơi địa trên, cho đến cõi Hữu đảnh, chỉ trừ các Tam-ma-địa vô lậu.

Thế nào là tướng của Tam-ma-địa không tâm không tứ? Nghĩa là, đối với tâm tứ, tâm sanh trừ bỏ, chỉ do một vị, ở nơi đối tượng duyên bên trong tạo thắng giải. Lại chỉ một vị hiển hiện bình đẳng.

- Thế nào là Tam-ma-địa nhỏ? Nghĩa là, hoặc do đối tượng duyên, quán nhỏ về một ít sắc. Hoặc do tác ý nên nhỏ. Tin nhỏ, mong muốn nhỏ, thắng giải nhỏ.

- Thế nào là Tam-ma-địa lớn? Tức là, hoặc do đối tượng duyên nên lớn. Quán nhiếp sắc, nhưng không phải là quán không bến không bờ về các sắc. Hoặc do tác ý nên lớn. Tin bậc trên, mong muốn bậc trên, thắng giải bậc trên, nhưng không phải là tin tưởng, mong muốn, thắng giải không bến không bờ.

- Thế nào là Tam-ma-địa vô lượng? Nghĩa là hoặc do đối tượng duyên, nên quán vô lượng vô biên, vô tế các sắc. Hoặc do tác ý, nên tin tưởng, mong muốn, thắng giải đều vô lượng vô biên.

Ở đây, Tam-ma-địa tâm lớn: Nghĩa là, nơi dưới một tàng cây, quán tưởng về ánh sáng của chư Thiên mà sanh thắng giải, cho đến nói rộng.

Tam-ma-địa vô lượng: Nghĩa là bốn vô lượng.

- Thế nào là nơi dưới một tàng cây, quán tưởng ánh sáng của chư Thiên, sanh thắng giải? Nghĩa là, ở nơi cõi Dục đã hết sức chán, hoại, đạt được Tĩnh lự thứ nhất. Vì khiến cho định ấy hoàn toàn thanh tịnh, nên lại tu tập phương tiện. Lại nghe chư Thiên, thân gắn liền với ánh sáng, bèn tư duy về tướng ánh sáng của thân kia hiện bày khắp dưới một tàng cây, cho đến biên vực tận cùng của đại địa, biển lớn, phát sanh thắng giải. Do Tam ma địa càng về sau càng chuyển tăng nên có sai biệt, khiến chỗ sanh khởi có khác nhau.

- Thế nào là tác ý được thành chỉ có hai? Nghĩa là tùy theo chỗ sai biệt của thắng giải mà nêu đặt tác ý.

- Thế nào là tác ý chỉ có hai thứ làm duyên, tu thành chỉ có hai? Nghĩa là, tức do lực của tác ý ấy, nên nêu bày chỗ tu tập định có sai biệt, thanh tịnh viên mãn chuyển tăng thù thắng.

- Thế nào là do tu chỉ có hai thứ làm duyên, hành thành tựu chỉ có hai? Nghĩa là, như nơi chỗ khéo tu định, chuyển tăng thù thắng, như vậy như vậy, thiết lập chỗ chiêu cảm sự sanh có sai biệt.

- Thế nào là do hành chỉ có hai thứ làm duyên cho Bồ-đặc-già-la

kiến lập chỉ có hai? Nghĩa là do nhân duyên sanh khởi nơi hữu tình, nên thiết lập sự sai biệt về cao thấp, hơn kém.

Hỏi: Ánh sáng của chư Thiên nơi hai tinh lự đầu có sai biệt gì?

- Đáp: Như ngọc Mạt ni, bên ngoài có ánh sáng, bên trong không có ánh sáng. Thân của Tinh lự thứ nhất cũng lại như vậy. Bên ngoài phóng ánh sáng, bên trong thì không như thế. Ví như ngọn đèn sáng, bên ngoài phát ra ánh sáng, bên trong tự chiếu rõ. Thân của Tinh lự thứ hai cũng như vậy. Hoặc trong hoặc ngoài đều có ánh sáng, do đó kinh nói: “Từ địa kia trở lên, chỉ một thứ thân, chẳng phải nơi địa dưới”.

Lại nữa, thế nào là kiến lập bốn định vô lượng?

Nghĩa là các hữu tình có ba loài:

1. Không khổ không vui.
2. Có khổ.
3. Có vui.

Như thứ lớp ấy, muốn ban cho an lạc, muốn khiến lìa khổ, muốn khiến sự an lạc ấy vĩnh viễn không cùng lìa, nên hành giả tác ý, có bốn thứ, theo như thứ tự ấy, kiến lập bốn loại. Nghĩa là do tác ý ban cho vui, do tác ý nhổ trừ khổ, do tác ý tùy hỷ vui không cùng lìa, kiến lập ba thứ trước. Tức ở nơi ba thứ đó nhằm ban vui v.v... Vì muốn khiến cho hành giả không ưa thích suy xét, mền mọ, nên tác ý không nhiễm ô. Tác ý không nhiễm ô nơi sân hận. Tác ý không nhiễm ô nơi tham dục, nên kiến lập xả. Kinh nêu: Do từ cùng hiện hành nơi tâm, cho đến nói rộng.

Tạo lợi ích hiện tiền, nên gọi là từ cùng hiện hành. Tướng tạo lợi ích nên gọi là từ bạn lành. Về tướng tạo lợi ích lược có hai thứ:

1. Muốn lợi ích.
2. Muốn an lạc.

Hai thứ tướng ấy là chỗ hiển bày của tất cả vô lượng.

- Không oán: Là lìa sự ưa thích của ý ác.
- Không thù địch: Là lìa mọi tranh chấp, trái nghịch hiện có.
- Không não hại: Là lìa các sự việc không lợi ích.
- Rộng: Là đối tượng duyên rộng lớn.
- Lớn: Là tư duy tối thắng về lợi ích an lạc.
- Vô lượng: Là quả vô lượng. Như bốn con sông lớn, các dòng chảy xen lẫn ở nhiều nơi.
- Khéo tu tập: Là thuần thực tốt bậc.

Như có người hỏi: Các tâm như từ cùng hiện hành v.v... có những tướng gì? Nên đáp: Thắng giải hiện bày khắp, an trụ đầy đủ.

Thắng giải hiện bày khắp: Là thắng giải hiện hữu khắp chốn của ý lạc tăng thượng.

Nghĩa đầy đủ: Là thanh tịnh viên mãn.

An trụ: Là chỗ tu quán hạnh, ngày đêm chuyên chú, lúc nào cũng chuyên chú.

Hỏi: Như kinh nói: Khéo tu tập từ tốt bậc nơi biến tịnh, cho đến nói rộng. Mật ý của lời nói ấy là gì?

- Đáp: Tĩnh lực thứ ba, ở trong các thứ an lạc, thì an lạc của tĩnh lực ấy là tối thắng. Nhớ nghĩ về an lạc đó, tu tập tâm từ, thì từ ấy là bậc nhất, nên nói tu tập từ tốt bậc nơi biến tịnh. Nhớ nghĩ về Không xứ, tu tập tâm bi, cũng là bậc nhất.

Do tu bi ưa muốn nhổ dứt khổ, trong Vô sắc giới xa lìa các khổ, đoạn trừ các khổ, nên các khổ kia đều không. Do đó, nhớ nghĩ về Vô biên không xứ, tu tập đẳng chí bi, suy niệm: Sẽ khiến cho tất cả hữu tình có khổ đi đến nơi chốn nương dựa không còn các khổ.

Tu tập định hỷ cũng luôn nhớ nghĩ về Vô biên thức xứ, vui mừng với những an lạc do các hữu tình đạt được, suy niệm: Sẽ khiến cho hết thảy loài hữu tình thọ nhận vô lượng an lạc.

Cũng như thức xứ, nhận thức không hạn lượng, vì thế, nhớ nghĩ về thức Vô biên xứ, tu tập định hỷ, là bậc nhất, tối thắng.

Tu tập định xả: Cũng luôn nhớ nghĩ về Vô sở hữu xứ, suy niệm: Địa của tâm vô lậu nơi Vô sở hữu xứ là hậu biên sau rốt, xả này là bậc nhất. Như Bí-sô A-la-hán, tất cả khổ vui, không khổ không vui hiện hành trong quả vị đều không nhiễm ô, sẽ khiến cho hết thảy các loài hữu tình đạt được pháp xả như vậy. Do vậy, nhớ nghĩ về Vô sở hữu xứ, tu tập định xả, là bậc nhất.

Như vậy, tất cả đều là Thánh hành, chỉ bậc Thánh mới có thể tu tập nên kinh nêu rõ là giác phần cùng hành.

Lại nữa, thế nào là tu một phần Tam ma địa? Nghĩa là ở trong ấy, hoặc chỉ tác ý tư duy về tướng ánh sáng, hoặc chỉ tác ý tư duy về tướng của sắc, mà nhập định. Theo thứ lớp của hai thứ như thế, hoặc biết rõ về ánh sáng, hoặc nhìn thấy các sắc.

Thế nào là tu đủ phần Tam-ma-địa? Nghĩa là cùng tư duy cả hai mà nhập định, cũng biết rõ về ánh sáng, cũng thấy các sắc. Tu tập về định ánh sáng như thế, những khó khăn của định có đến 11 thứ, đó là nghi v.v... như trong kinh đã nói rộng.

Hỏi: Ở đây, cái gì là khó khăn?

- Đáp: Tướng của Tam ma địa. Tướng có hai loại: Tướng của đối

tượng duyên và tướng của nhân duyên, dùng chúng làm chỗ dựa, trụ nơi Tam-ma-địa. Nếu tướng ấy thối chuyển, tức không thể trụ. Ở đây, đầu tiên, về chỗ hiển hiện tướng các sắc và tướng ánh sáng, nếu không khéo nhận biết rõ, nên biết là có nghi. Phương tiện chậm lại, nên có chẳng tác ý. Như ở nơi các sắc không muốn thấy: hoặc nhắm mắt, hoặc lại quay mặt. Hành quán này, ở trong các sắc, không muốn tác ý, cũng lại như vậy. Do không khéo giữ gìn căn môn v.v... nên thân thô trọng, quen ngủ nghỉ nhiều, hoặc thức tỉnh nhiều, liền tăng hôn trầm, thù miên, không thấy các sắc, giả như có thấy cũng không viên mãn. Vì hai sự việc này đã tạo ra công dụng tốt bậc, khiến gắng sức tư duy, nên có sự tinh tấn dừng mãnh thái quá. Do có sự thúc đẩy, cố gắng thái quá mà sai trái, nên trở lại thành thấp kém cùng cực. Như vội vàng nắm giữ, hoặc xua đuổi con chim yến, kẻ kia chỉ xét câu về tướng ánh sáng. Ở đây so với chỗ thấy sắc, nếu cùng lúc sanh khởi, thì mong một được hai, bèn sanh phần khích quá mức. Cũng như có kẻ tìm được hai kho báu nơi lòng đất, hiện bày khắp các phương, bỗng nhiên cũng thấy hình sắc chẳng lành liền sanh quá sợ hãi. Hoặc như có người thấy hai bên cùng xoay vòng hốt nhiên dấy khởi, người ấy lúc đi hoặc lúc dừng, đối với các sự việc xen tạp nơi thế gian dấy khởi vô số tướng. Các tướng bên ngoài như thế, đối với định là sự khó khăn. Hoặc lại nhân nơi chỗ tu tập định, cho mình là hơn, xem kẻ khác là kém, bèn tự cao ngạo. Như vậy cũng được gọi là vô số tướng. Hoặc nói năng, bàn luận nhiều. Hoặc xét tìm lâu khiến thân mệt mỏi, tâm không được định v.v... Như thế đều là chướng ngại của định.

Nếu khi từ định sanh khởi tướng ánh sáng cùng thấy sắc, liền xả bỏ tác ý nối tiếp của sự tu tập bên trong, nguyện vui thích xem kỹ các sắc nơi bên ngoài, nên sự suy xét tốt bậc này cùng với định là chướng nạn. Các thứ khó khăn như thế, theo chỗ ứng hợp của chúng tạo chướng ngại nơi Tam-ma-địa. Tướng của cảnh nơi đối tượng duyên và tướng nhân duyên, nếu gặp sự thối thất này thì cả hai, theo thứ lớp của chúng, đều mất.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa cùng hiện hành với hỷ? Nghĩa là các Tam ma địa của hai tĩnh lự đầu.

- Thế nào là Tam ma địa cùng hiện hành với lạc? Tức là các Tam-ma-địa của Tĩnh lự thứ ba.

- Thế nào là Tam-ma-địa cùng hiện hành với xả? Tức là các Tam-ma-địa của Tĩnh lự thứ tư trở lên.

Lại nữa, thế nào là tu định, chứng đắc hiện pháp lạc trụ? Đó là,

đối với bốn thứ hiện pháp lạc trụ, việc tu định hiện có trong đạo phương tiện và việc tu định hiện có nơi bản địa, các căn chưa được thanh tịnh trắng sạch viên mãn. Vì để làm rõ sự tu tập chưa từng chứng đắc định, do đó Đức Thế Tôn nói đến đạo phương tiện ở trước Tĩnh lự thứ nhất.

- Thế nào là tu định đạt được trí kiến? Nghĩa là các Bí-sô, đối với tướng ánh sáng, ân cần, chu đáo, xem xét kỹ để giữ lấy, như kinh đã nói rộng. Nên biết tại đây có thể phát khởi thiên nhãn, do tu định hiện có nơi đạo phương tiện ở trước. Trong ấy, thiên nhãn, nơi cảnh giới của các sắc, có thể soi chiếu, có thể quán xét, đó gọi là kiến. Có thể nhận biết về chủng loại như thế, danh tự như thế của chư Thiên, cho đến nói rộng như nơi kinh Thắng Thiên. Đó gọi là trí.

- Thế nào là tu định sanh tuệ phân biệt? Nghĩa là sự tu định hiện có trong đạo phương tiện, hiện quán xét kỹ về hương, quả Dự lưu. Hoặc là tu tập các pháp vô ngại giải.

- Thế nào là tu định dứt hết các lậu? Đó là tu định hiện có trong đạo phương tiện của quả A-la-hán.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa của năm Thánh trí? Nghĩa là đối với ta, Tam ma địa này là Thánh, không nhiễm, không chấp, nói rộng như nơi kinh. Ở đây chỉ rõ về hành tướng của năm trí:

1. Trí tự thể.
2. Trí của Bồ-đặc-già-la.
3. Trí thanh tịnh.
4. Trí của quả.
5. Trí của tướng nhập xuất định.

Thánh: Thiện nên gọi là Thánh. Lại, vô lậu nên gọi là Thánh.

Không nhiễm: Là hiển bày tánh của Thánh thiện.

Không chấp: Là hiển bày tánh của Thánh vô lậu.

Chẳng phải là chỗ tiếp cận của hàng phàm phu: Nghĩa là chỗ thân cận của chư Phật và Thánh đệ tử.

Là chỗ tán thán của bậc thông duệ: Tức chỗ tán thán của các bậc ấy.

Là chư vị đồng phạm hạnh của các bậc thông duệ, luôn không chê trách: Tức là trong mọi thời gian luôn khen ngợi. Chẳng phải như Tĩnh lự thứ nhất v.v... nơi thế gian, là từ bỏ việc tu phương tiện nơi địa dưới. Nên trước dùng tướng tịnh để xứng tán, nhằm hướng tới việc tu phương tiện của địa trên. Sau thì đem tướng thô để lại chê trách.

Tịch tịnh: Là chỗ đối trị phiền não đã hoàn toàn vắng lặng.

Vi diệu: Là không còn ái vị phiền não nơi tự địa.

Đạt được đạo an ổn: Là đạo đạt được không còn thối chuyển.

Chứng tâm một hướng: Là đã đạt được địa không tầm không tứ.

Hiện tại an lạc: Là có thể đạt Hiện pháp lạc trụ.

Sau được dị thực vui thích: Là dẫn đến chỗ an lạc của Niết bàn Vô dư y.

- Chánh niệm mà nhập: Là khéo giữ lấy tướng nên có thể nhập Tam ma địa, không quên mất.

- Chánh niệm mà xuất: Là khéo giữ lấy tướng, nên có thể ra khỏi Tam ma địa, không quên mất.

Lại nữa, thế nào là Tam ma địa của năm chi Thánh?

Tức là các Bí-sô, đối với nội thân này là hỷ lạc sanh, nói rộng như trong kinh.

- Là hỷ lạc sanh: Là hỷ lạc thuộc về địa Tĩnh lực thứ nhất.

- Chỗ thấm nhuần: Là chỗ nhuần thấm của hỷ.

- Thấm nhuần khắp: Là chỗ thấm nhuần của lạc.

- Sung mãn hiện bày khắp: Là phần vị tác ý rốt ráo của gia hạnh.

- Vui thích hiện bày khắp: Là phần vị các tác ý ở trước, do trong phần vị ấy cũng có hỷ lạc, luôn đầy khởi gián cách, nhưng không trụ lâu, cũng không viên mãn.

- Ở trong thân ấy, không có một phần nhỏ nào mà không sung mãn: Là tại phần vị tác ý của quả cứu cánh thuộc gia hạnh.

Ví như người trí tuệ có thể tầm gọi, hoặc đệ tử của vị ấy, nên biết là dụ cho người ta hành quán.

Vật dụng bằng đồng, bằng đất nung, bằng vỏ sò, ốc: là dụ cho vị lia dục sanh hỷ lạc, nên chỉ dạy, trao truyền, khuyên răn.

Tầm gọi nhẹ nhàng, kỹ lưỡng: Là dụ cho khả năng thuận theo sự chỉ dạy kia mà tìm cầu xuất ly.

- Nước chảy tràn trề: Nên biết là dụ cho việc tìm cầu đạo thanh tịnh.

- Tắm gội, nường dữa: Là dụ cho thân.

- Mang theo vẻ trơn nhuận: Là dụ cho hỷ hòa hợp.

- Chỗ thuận theo trơn nhuận: Là dụ cho lạc hòa hợp.

- Hiện hữu khắp trong ngoài: Là dụ cho hỷ lạc hòa hợp, không có chút gián đoạn.

- Không mạnh: Là dụ cho không tán động.

- Không yếu: Là dụ cho không nhiễm ô, cũng không ái vị.

Lại, nơi dụ thứ hai có sai biệt: Núi là dụ cho định không tầm tứ.

Đỉnh nhọn là dụ cho Tĩnh lực thứ hai không tầm không tứ, chỉ một vị



thắng giải nơi cảnh của đối tượng duyên. Suối là dụ cho các chi tịnh ở bên trong.

- Trục nước: Là dòng nước chảy xuôi bên cạnh.

- Dải nước: Là nước ở trên cao vọt ra.

Hai thứ dụ này, như thứ lớp của chúng, hiển bày các câu hỷ lạc thấm nhuần. Như trước đã giải thích.

- Không gì là không sung mãn: Nên biết là dụ cho sự tương ứng không gián đoạn.

Lại, nơi dụ thứ ba có sai biệt: Như ốt-bát-la v.v... là lạc của lia hỷ. Pháp tương ứng ấy cùng với thân của chỗ dựa, nên biết cũng vậy. Nước là dụ cho định không tầm tứ, lia hỷ, vì hỷ phát khởi sự phấn khích quá mức, do không có hỷ ấy, nên dụ cho thai tạng của hoa còn chìm trong nước.

Lại, nơi dụ thứ bốn có sai biệt: Tâm thanh tịnh: Tức cùng với sự thanh tịnh của niệm xả tương ứng, vượt quá những tai họa nơi địa dưới.

- Trắng sạch: Tức tánh là thiện, phiền não của tự địa không còn ái vị. Vì sao lại dùng trường giả làm dụ? Là do chỗ tạo tác của vị đó đều xét đoán đầy đủ, không phóng dật, tư duy, trừ tính, quán xét đều thù thắng, nơi môn tăng giảm, không gì là không nhận biết. Người chứng đắc Tịch lự thứ bốn thanh tịnh cũng lại như vậy. Phạm có chỗ hành trì đều xét kỹ viên mãn, không có các phóng dật. Đối với hết thảy nghĩa lý đều biết rõ, tánh lạnh lợi mãi tiếp.

Tám kinh, chín kinh dùng làm dụ: Do chắc chắn, kín đáo, làm rõ là các loại ruồi muỗi v.v... không thể xâm hại. Đầu chân được che kín: Nếu có hai lỗ che có thể bị xâm hại. Đó là ác mộng và có chỗ lộ ra ngoài. Nay ở đây nêu rõ hai lỗ đều không. Định ấy cũng vậy. Nội tâm thanh tịnh, trắng sạch hiện bày khắp, mọi thứ tán động đều không thể xâm hại, có thể nhận chịu nóng lạnh, cho đến những lời mắng nhiếc thô ác của kẻ khác và vô số khổ thọ trong thân.

Lại, nơi dụ thứ năm có sai biệt: Nơi tướng của đối tượng quán ân cần, chu đáo v.v..., nên biết đã giải thích như trước. Tức là quán xét kỹ về các hành của ba đời. Lại nữa, quán xét đối với chủ thể quán, ở đây là nghĩa tổng quát.

Những gì gọi là Tam-ma-địa bậc Thánh? Thế nào là kiến lập năm chi sai biệt? Nghĩa là tâm tánh một cảnh của các Hiền Thánh hiện có trong bốn tĩnh lự, cùng sự an lập dạy quán sát xét kỹ. Như thế gọi là Tam ma địa bậc Thánh. Dựa nơi bốn thứ hiện pháp lạc trụ, để kiến lập bốn chi. Dựa vào sự quán xét kỹ về pháp duyên khởi, lại nhằm đoạn trừ

các thứ trói buộc còn sót lại, nên kiến lập chi thứ ba. Nên biết, do hai nhân duyên này mà kiến lập năm chi.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa có nhân, có đủ Thánh chánh? Phải biết là thiện, cùng vô lậu, nên gọi là Thánh. Có năm đạo chi gọi là nhân của định ấy. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Có đủ ba thứ, là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm. Ở đây, Đức Bạc-già-phạm đã nêu bày tổng quát. Bảy đạo chi trước, cùng với Tam-ma-địa Thánh chánh là nhân, đầy đủ. Theo chỗ ứng hợp của chúng, nên biết là có sai biệt. Tức là do nghĩa thứ lớp của sự dẫn dắt ở trước, nên lập năm chi làm nhân. Đối với Tam-ma-địa là nghĩa hỗ trợ, nên lập ba chi làm đủ.

Thế nào là nghĩa thứ lớp nơi sự dẫn dắt trước của chánh kiến v.v...? Tức là, trước hết nhận biết rõ nơi thế gian thật có bậc A-la-hán chân chính, chánh hành, chánh chí, nên đối với sự xuất ly sanh khởi ưa muốn sâu xa, đạt được chánh kiến. Tiếp theo lại tư duy: Vì sao phải xuất ly khỏi sự bức bách của gia đình, cho đến nói rộng. Từ đây xuất gia thọ học giới luật, tu trị thọ mạng thanh tịnh. Đó gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng. Ở đây, chánh kiến v.v... là sự đối trị năm thứ như tà kiến v.v... vẫn chưa có thể đoạn trừ, tức trở lại dựa vào năm pháp thiện này, nghe âm thanh từ người khác, lần lượt phát sanh chánh kiến của văn tuệ, vì nhằm đoạn trừ các pháp được đối trị. Lại, để tu tập tư lương của đạo, nên tạo phương tiện quan sát. Tiếp theo, dựa nơi văn tuệ, phát sanh tư tuệ. Lại dựa vào tư tuệ, phát sanh tu tuệ. Do chánh kiến ấy, đối với các tà kiến, nhận biết rõ như thật đây là tà kiến. Đối với các chánh kiến, nhận biết rõ như thật đây là chánh kiến, cho đến chánh mạng, nhận biết đúng như thật rồi, vì nhằm đoạn trừ tà kiến v.v... và làm viên mãn chánh kiến, nên phát khởi siêng năng tinh tấn. Hoặc do đây nên có thể đoạn trừ chỗ được đối trị, tập hợp pháp của chủ thể đối trị, khiến cho chánh kiến được viên mãn, đây gọi là chánh niệm. Niệm này tức là một phần của Tam-ma-địa, nên cũng gọi luôn là Tam-ma-địa chánh. Hoặc là trong lúc xả bỏ tà kiến v.v... khiến không còn sanh trở lại, tu tập chánh kiến khiến được viên mãn. Tức ở trong đạo phương tiện như thế, cũng có thể dứt bỏ niệm tinh tấn tà vạy, có thể gồm tu đầy đủ niệm chánh tinh tấn. Hoặc vào lúc này, đối với các pháp kia, có thể đoạn trừ, có thể làm viên mãn, tức vào lúc ấy, Tam-ma-địa Thánh chánh cũng được viên mãn. Trong ấy, do tuệ đứng đầu, dẫn đường, đối với Giới tăng thượng, trước hết là tự ở yên, tiếp theo là nghe âm thanh của người khác, tác ý như lý, cùng Giới học tăng thượng, cả hai làm

chỗ dựa, ở trong đạo phương tiện, phát sanh Tâm học tăng thượng và Tuệ học tăng thượng. Ở đây, chánh niệm gọi là Tâm học tăng thượng. Chánh kiến, chánh tinh tấn gọi là Tuệ học tăng thượng. Ba học như thế, lúc tu tập Tam-ma-địa Thánh chánh, đều được viên mãn.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-địa Kim cang dụ? Tức là Tam-ma-địa của sự tu học sau cùng. Tam-ma-địa này là tối bậc nhất hơn hết, là tối tôn tối thắng, hết sức bền chắc, không có thứ phiền não nào có thể hủy hoại được, nhưng có thể phá trừ tất cả các thứ phiền não. Vì thế, định này gọi là Kim cang dụ. Ví như Kim cang, tánh bền chắc, các thứ mặt ni không thể xuyên thủng, lại có thể xuyên thủng hết thủy báu mặt ni. Định này cũng như thế, nên dụ cho Kim cang.

Lại nữa, thế nào là năm Tam-ma-bát để hiện thấy? Nghĩa là các vị Bí-sô, đối với thân này v.v... nói rộng như kinh.

Đã thấy đế: Tức tu đẳng chí này, do đấy gọi là đẳng chí hiện thấy. Là các thứ phiền não do tu đạo đoạn trừ, được đối trị điều phục, đối trị đoạn dứt cùng quán xét đoạn trừ, nên biết ở đây là tóm lược chung về thể tánh. Đầu tiên là quán bất tịnh, theo phương tiện niệm trụ, dùng làm chỗ dựa, vì khiến dục tham không hiện hành, nên quan sát nội thân có vô số làm chỗ dựa, cho đến quan sát về tướng xương khô nơi con người, nhằm khiến cho tham dục không hiện hành. Quan sát nơi thân này có vô số thứ bất tịnh, nên biết như đấy gọi là quan sát đầy đủ tất cả sự bất tịnh.

Thấu đạt tốt cùng: Là quán về các tướng xanh bầm, sinh trưởng v.v... thứ lớp theo từng phẩm loại, với nghĩa vượt hẳn mức độ cùng cực. Quán bất tịnh thứ nhất, quan sát về nội thân hiện tiền an trụ nơi vô số bất tịnh. Quán bất tịnh sau, thông đạt về pháp tánh, quan sát thân này có pháp như thế, có tánh như thế, cho đến nói rộng.

Quán thức lưu chuyển: Là quan sát thức này sanh diệt nối tiếp, hoặc quán sanh thân, lần lượt tương tục. Nghĩa là quan sát thêm hành duyên nơi thức v.v... Hoặc quán nơi sát na lần lượt nối nhau. Tức là quan sát vi tế, như có tâm tham, lìa tâm tham với các phẩm loại sai biệt. Thấm thoát ngày qua đêm đến, từng sát na, lập phược, Mâu-hô-lật-đa, trong khoảng thời gian đó, không phải chỉ một số nhiều mà là vô số tâm thức sanh diệt đổi khác.

Quan sát bậc hữu học, vị chưa lìa dục, cùng trụ nơi hai đời. Vị đã lìa dục, chỉ trụ nơi đời khác, quả A-la-hán đều không chỗ trụ. Như thế gọi là quan sát việc đoạn trừ nơi đẳng chí thắng xứ, đẳng chí biến xứ, như trước đã nói.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-bát để vô tướng? Nghĩa là hành giả đã lia dục của cõi Biến Tịnh, nhưng chưa lia dục nơi cõi trên, nên trước hết tác ý cầu xuất ly tướng, các tâm, tâm pháp đều vắng lặng.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để nhập đẳng chí này?

- Đáp: Quán xét tướng như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên, nhập Tĩnh lực thứ tư, tu tác ý từ bỏ tướng, ở trong chỗ sanh khởi vô số tướng, chán bỏ mà trụ, chỉ cho tịch tĩnh vô tướng là vi diệu, ở nơi vô tướng giữ tâm để trụ. Như thế, dần dần lia các đối tượng duyên, tâm trở nên vắng lặng. Ở trong sự sanh ấy, cũng nhập cũng khởi. Nếu sanh nơi tĩnh lực kia thì chỉ nhập không khởi. Tướng ấy nếu sanh liền từ nơi tĩnh lực kia diệt mất.

Lại nữa, thế nào là Tam-ma-bát để diệt tận? Nghĩa là hành giả đã lia dục của cõi Vô sở hữu xứ, trước hết là tác ý, tướng tạm an trụ, các tâm, tâm pháp đều vắng lặng.

Hỏi: Dùng phương tiện gì để nhập đẳng chí này?

- Đáp: Nếu các bậc Thánh đã lia dục nơi Vô sở hữu xứ, hoặc dựa nơi tướng của Phi tướng phi phi tướng xứ để nhập định, hoặc dựa vào tướng diệt tận để nhập định. Nếu dựa nơi tướng của Phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập định: Tức đối với tâm trên đây, sanh khởi sự chán bỏ sâu xa, nẻo tiến tới đối tượng duyên của Phi tướng phi phi tướng xứ đều diệt tận, tâm liền tịch tĩnh.

Nếu dựa vào tướng diệt tận để nhập định thì cũng lại như thế. Lúc sắp hưởng nhập định diệt tận, có hai thứ pháp, phần nhiều đều thực hiện, là Xa-ma-tha (chỉ) và Tỳ-bát-xá-na (quán). Thế nào là Xa-ma-tha? Thế nào là Tỳ-bát-xá-na? Vì sao hai pháp này phần nhiều đều thực hiện? Tức ở trong nghĩa ấy, tám định thứ lớp gọi là Xa-ma-tha. Thánh tuệ hiện có gọi là Tỳ-bát-xá-na. Nơi hai pháp này, nếu thiếu một thứ tức không thể nhập đẳng chí diệt tận, nên cần đủ cả hai thì mới có thể hưởng nhập. Do đó, hai pháp ấy hầu hết đều được sử dụng.

Hỏi: Lúc nhập định diệt tận, thế nào là theo thứ lớp diệt ba loại hành?

- Đáp: Ở đây có hai loại: đó là lúc hành, lúc trụ. Nếu vào lúc hành, cũng đầy khởi ngôn thuyết, ở nơi Tĩnh lực thứ nhất có tác dụng này, vì có ngữ hành. Nếu vào lúc trụ thì từ Tĩnh lực thứ hai trở lên, do lực của định thứ lớp, ba loại hành kia theo thứ tự mà diệt. Nên biết khi xuất định, do thứ lớp nghịch, theo đầy mà khởi.

Hỏi: Trong định diệt tận, các tâm tâm pháp đều cùng diệt tận, vì sao nói thức không lia nơi thân?

- Đáp: Do các sắc căn không biến hoại, trung hữu có thể giữ lấy chủng tử của chuyển thức, thức A-lại-da không diệt tận, nên về sau các pháp kia từ đấy được sanh.

Hỏi: Lúc nhập định diệt tận không có phân biệt: Ta sẽ nhập định, ta sẽ xuất định. Chính lúc ở tại định, tâm vắng lặng, xa lìa gia hạnh. Khi sắp xuất định, tâm trước đã diệt, cũng không tác ý, vậy sao có thể nhập? Có thể xuất?

- Đáp: Trước tiên, nơi tâm kia đã khéo tu trị, nếu có các hành, các trạng thái, các tướng, thì có thể nhập nơi định, có thể xuất định. Vì đối với việc tu tập tâm là tu tập rất nhiều, do sự tu tập đó nên tự nhiên có thể nhập, tự nhiên có thể xuất.

Hỏi: Vì sao nói lúc xuất định diệt tận, tiếp xúc có ba loại xúc: Một là xúc bất động. Hai là xúc vô sở hữu. Ba là xúc vô tướng.

- Đáp: Nghĩa là lúc xuất định, phần nhiều do ba cảnh mà xuất: Một là do cảnh của hữu. Hai là do cảnh của cảnh. Ba là do cảnh diệt. Do ba cảnh này, vào lúc xuất định, như thứ lớp của chúng, tiếp xúc với ba thứ xúc. Duyên nơi cảnh của hữu mà lúc xuất định không có ngã mạn quấy động nơi tâm. Tức cho đấy là ngã mà khởi ngã mạn, hoặc cho vị lai ngã sẽ có, cho đến nói rộng. Vì thế nói xúc ấy là xúc bất động.

Duyên nơi cảnh của cảnh, nên lúc xuất định, không hiện có tham, không hiện có sân, không hiện có si, nên nói xúc này là xúc vô sở hữu. Duyên nơi cảnh diệt, nên lúc xuất định, đối với tất cả tướng không tư duy, chỉ duyên với cảnh giới vô tướng. Do đó nói xúc này là xúc vô tướng.

Như vậy là đã nói xong về đẳng trì, đẳng chí, tĩnh lự giải thoát.

